

Bản án: 70/2022/HSST
Ngày 14 tháng 12 N 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Long;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Quý-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 2 N 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2022/HSST ngày 14 tháng 10 N 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Công N**, sinh N 1997; Nơi cư trú: Đội 5, thôn Lang Châu Nam, xã Duy Phước, huyện D, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 10/12; Bố: Nguyễn Công N, sinh N 1962; Mẹ: Trương Thị Nhạn, sinh N 1963; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là ba; Vợ: Phạm Thị Thuỷ T, sinh N 1998; Con: có 01 con sinh N 2021; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 05/3/2021, bị Toà án nhân dân tHnh phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 20/4/2021, bị cáo đi chấp Hnh án đến ngày 28/4/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/4/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Đỗ Văn Đ**, sinh N 1998; Nơi cư trú: Khối phố Long Xuyên 2, thị trấn Nam Phước, huyện D, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Đỗ Bích, sinh N 1958; Mẹ: Văn Thị Hồng, sinh N 1966; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: + N 2020, bị Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, tHnh phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện

điện tử thực hiện Hình vi chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 36/2020/HS-ST ngày 14/7/2020;

+ N 2021, bị Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Q xử phạt 42 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hình vi chiếm đoạt tài sản” (đã tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của bản án 36/2020/HS-ST ngày 14/7/2020).

Bị cáo hiện đang chấp Hình án tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn M L**, sinh N 1996; Nơi cư trú: tổ Đoàn Kết số 10, khối phố Long Xuyên 2, thị trấn Nam Phước, huyện D, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 9/12; Bố: Nguyễn M H, sinh N 1964; Mẹ: Huỳnh Thị Lễ, sinh N 1966; Vợ: Nguyễn Hiền N, sinh N 1991; Con: có 02 con, lớn sinh N 2015, nhỏ sinh N 2019; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là hai; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

+ **Người bào chữa cho bị cáo N:**

Bà Giáp Thị Vân- Luật sư thuộc Công ty Kim Vĩnh An- Đoàn luật sư tỉnh B. (Tại phiên tòa, bị cáo từ chối luật sư chỉ Đ).

+ **Bị hại:** Chị Phạm Thị H, sinh N 1985.

Địa chỉ: Thôn Sy, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh B. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Hoàng Thị Bích Loan và bà Võ Thị An Bình- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Hoàng Loan- Đoàn luật sư tỉnh B. (Bà Bình có mặt, bà Loan vắng mặt).

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Hiền N, sinh N 1991.

Địa chỉ: Tổ đoàn kết số 10, khối phố Long Xuyên 2, thị trấn Long Xuyên 2, thị trấn Nam Phước, huyện D, tỉnh Q. (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Công N, sinh N 1963. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Xuân Phú, xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn, tỉnh Q.

3. Anh Nguyễn Xuân M, sinh N 1991. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đội 1, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, tHnh phố H Nội.

4. Chị Dương Thị Đ, sinh N 1960. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phặc Tràng, xã Dương Quang, tHnh phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Anh Đỗ Văn Q, sinh N 2005. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm 4, xã Lai THnh, huyện Kim Sơn, tỉnh NB.

6. Anh Phạm Đức H, sinh N 1969. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hội Tiến 1, xã Quỳnh L, huyện Nho Quan, tỉnh NB.

7. Anh Đỗ Văn V, sinh N 1993. (Có mặt).

Địa chỉ: Khối phố Long Xuyên 2, thị trấn Nam Phước, huyện D, tỉnh Q.

8. Chị Phạm Thị Thủy T, sinh N: 1998. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hòa Lâm, xã Duy Trung, huyện D, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ và Nguyễn M L bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố về Hình vi phạm tội N sau:

Nguyễn Công N, sinh N 1997 trú tại Đội 5, thôn Lang Châu Nam, xã Duy Phước, huyện D, tỉnh Q quen biết Đỗ Văn Đ (tên gọi khác Đỗ Văn Đ), sinh N 1998 trú tại Khối phố Long Xuyên 2, thị trấn Nam Phước, huyện D, tỉnh Q; Đ quen biết Nguyễn M L, sinh N 1996 trú tại Tổ đoàn kết số 10, khối phố Long Xuyên 2, thị trấn Nam Phước, huyện D, tỉnh Q từ trước.

Do không có tiền chi tiêu, N nảy sinh ý Đ chiếm đoạt tiền từ tài khoản ngân Hng của người khác bằng cách lên mạng xã hội facebook tìm kiếm thông tin tài khoản ngân Hng, số điện thoại của người khác rồi đăng nhập nhiều lần vào tài khoản của họ để gây lỗi. Sau đó, N gọi điện cho chủ tài khoản bị lỗi giả danh là nhân viên Ngân Hng thông báo tài khoản bị lỗi, hướng dẫn lấy lại mật khẩu rồi yêu cầu cung cấp mật khẩu tài khoản, mã OTP cho N để kiểm tra, khắc phục lỗi. Sau khi nhận được mật khẩu, mã OTP, N đăng nhập vào tài khoản ngân Hng của họ và thực hiện lệnh chuyển tiền vào các tài khoản do N chuẩn bị trước đó và chiếm đoạt. Cụ thể:

Ngày 16/3/2021, N dùng tài khoản facebook “Công N Nguyễn” tìm kiếm thông tin (số tài khoản, số điện thoại) thì thấy số tài khoản 1230198623336 mở tại Ngân Hng MBBank và số điện thoại 0962.291.754 của chị Phạm Thị H, sinh N 1985 trú tại thôn Sy, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh B làm nghề kinh doanh bất động sản. N vào ứng dụng Bankking MBBank trên điện thoại Samsung của mình, đăng nhập nhiều lần vào tài khoản ngân Hng của chị H bằng số điện thoại 0962.291.754, với mật khẩu sai để gây ra lỗi đăng nhập. Sau đó, N dùng sim rác số 0583.047.647 lắp trên điện thoại Nokia 105 gọi điện cho chị H tự xưng là nhân viên Ngân Hng MBBank thông báo tài khoản của chị H bị lỗi và hướng dẫn chị H lấy lại mật khẩu. Khi chờ chị H lấy lại mật khẩu, N nhắn tin qua facebook hỏi mượn số tài khoản ngân Hng không chính chủ của Đỗ Văn Đ (Đ biết việc N mượn tài khoản ngân Hng không chính chủ mục đích để nhận tiền chiếm đoạt của người khác). Đ không có tài khoản nên nhắn tin qua facebook “Út” của Đ cho

Nguyễn M L hỏi mượn tài khoản ngân hàng không chính chủ; L biết Đ mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền chiếm đoạt của người khác Nng vẫn đồng ý cho Đ mượn tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1018984454 mang tên Nguyễn Xuân M. Sau đó, Đ nhả số tài khoản này cho N.

N căn thời gian khi chị H lấy lại được mật khẩu thì gọi điện yêu cầu chị H cung cấp mật khẩu mới để kiểm tra và được chị H cung cấp cho mật khẩu. N đăng nhập vào tài khoản của chị H thấy trong tài khoản có số dư là 1.473.906.776 đồng nên N thực hiện lệnh chuyển tiền. Do tài khoản của chị H đăng ký xác nhận các lần giao dịch bằng mã OTP nên N gọi điện yêu cầu chị H cung cấp mã OTP để kiểm tra tiếp. Khi nhận được các mã OTP do chị H cung cấp, N 03 lần chuyển tổng số 990.000.000 đồng (Chín trăm chín mươi triệu đồng) trong tài khoản của chị H vào các tài khoản do N chuẩn bị trước để chiếm đoạt, trong đó:

- Lần thứ nhất, chuyển 500.000.000 đồng vào ví điện tử Viettelpay mang tên Đỗ Văn Q;

- Lần thứ hai, chuyển 290.000.000 đồng vào ví điện tử Viettelpay mang tên Nguyễn Thị Hiền rồi chuyển số tiền này sang tài khoản Ngân hàng Vietcombank Nguyễn Xuân M;

- Lần thứ ba, chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Xuân M.

Số tiền chiếm đoạt được tiền của chị H, N, Đ, L đã dùng để mua thẻ Vcoin sau đó bán lại cho các đại lý để lấy tiền mặt; nạp vào tài khoản game trên web “888b.com” rồi chuyển tiền vào tài khoản do mình quản lý và sử dụng chi tiêu cá nhân hết, cụ thể N sau:

*** Đối với số tiền 500.000.000 đồng chuyển vào ví điện tử Viettelpay mang tên Đỗ Văn Q:**

N vào trang web “ipay.vn” mua thẻ Vcoin hết 490.000.000 đồng, thanh toán cho số tài khoản Vietcombank số 1019561024 mang tên Nguyễn Tấn Tùng và chuyển 9.000.000 đồng đến tài khoản Vietcombank số 1015178036 mang tên Đinh Cát H để nạp vào tài khoản game trên web “888b.com”.

Đối với số thẻ Vcoin mua được, N bán một phần cho đại lý “H Thái Bình Dương” lấy tiền (triết khấu 20%) và một phần nạp vào tài khoản game trên web “888b.com” rồi chuyển tiền về tài khoản Pvcombank Nguyễn Công N.

Kết quả kiểm tra lịch sử giao dịch của tài khoản PvcomBank số 109000701939 mang tên Nguyễn Công N thấy ngày 16/3/2021 tài khoản của N nhận được tổng số tiền 406.000.000 đồng từ nhiều tài khoản khác chuyển đến, cụ thể N sau:

- Tài khoản PVcombank Dương Thị Đ chuyển đến 59.000.000 đồng;
- Tài khoản PVcombank Phạm Đức H chuyển đến 147.000.000 đồng;
- Tài khoản PVcombank H Thái Bình Dương chuyển đến 100.000.000 đồng;
- Tài khoản PVcombank Đỗ Văn Đ chuyển đến 100.000.000 đồng;

Nguyễn Công N khai đây là số tiền N nhận được sau khi N, Đ mua thẻ Vcoin bán cho đại lý và N nạp vào tài khoản game trên web “888b.com” rồi chuyển đến.

*** Đối với số tiền 490.000.000 đồng chuyển vào tài khoản Nguyễn Xuân M:**

Nguyễn Công N bảo Đỗ Văn Đ mua thẻ Vcoin bán cho đại lý lấy tiền rồi chuyển vào các tài khoản ngân hàng, ViettelPay do N quản lý, sử dụng. Khoảng hơn 10 giờ ngày 16/3/2021, Đ tới nhà L cùng L kiểm tra tài khoản Vietcombank Nguyễn Xuân M thấy có 490.000.000 đồng; số tiền này, Đ và L sử dụng N sau:

- Mua thẻ Vcoin trên trang web “ipay.vn” hết tổng số 398.584.448 đồng rồi bán cho đại lý “H Thái Bình Dương” được số tiền 297.585.000 đồng. Sau đó, Đ chuyển 200.000.000 đồng cho N (100.000.000 đồng vào tài khoản Pvcombank Nguyễn Công N và 100.000.000 đồng vào tài khoản ViettelPay Phạm Đức H do N quản lý). Số tiền còn lại, Đ chi tiêu cá nhân hết.

- Chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản VTCPay 0899888067 của Nguyễn M L. Vài ngày sau, L sử dụng 10.000.000 đồng nạp vào tài khoản game của L trong trang web “888b.com” để đánh bạc; còn 40.000.000 đồng L mua thẻ Vcoin bán cho đại lý “H Thái Bình Dương” được 30.000.000 đồng và chuyển số tiền này vào tài khoản Shinhanbank Đỗ Văn Đ. Sau đó, Đ chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản Đông Á Nguyễn Công N.

- Đ nạp 11.000.000 đồng vào tài khoản game của Đ trên trang web “888b.com” để đánh bạc trên mạng;

- L nạp 30.000.000 đồng vào tài khoản game của L trên trang web “888b.com” để đánh bạc.

Sau đó, chị H phát hiện tài khoản MBBank của mình bị mất số tiền là **990.000.000** đồng nên làm đơn trình báo và giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh B bản in hình ảnh chụp màn hình điện thoại phần tin nhắn, cuộc gọi, thông báo trong ứng dụng MBBank; lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của chị H (bút lục 295-296; 311-335).

* Khám xét chỗ ở của Nguyễn M L, Cơ quan điều tra thu giữ: 04 điện thoại di động, 05 thẻ sim đã bóc phần khay sim, 09 thẻ sim còn nguyên vẹn, 04 thẻ ATM, 05 giấy chứng nhận nhân dân, 01 thiết bị phát sóng wifi. Khám xét chỗ ở của Đỗ Văn Đ, Nguyễn Công N không thu giữ đồ vật, tài sản gì (bút lục 45-46; 73-74; 137-138).

* CQĐT tiến hành trưng cầu giám định tình trạng tâm thần đối với Đỗ Văn Đ; trưng cầu giám định đối với 05 giấy chứng nhận nhân dân đã thu giữ và giám định chữ viết, chữ ký của Nguyễn Xuân M trong hồ sơ đăng ký mở tài khoản Vietcombank, kết quả:

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 21/KLGĐ ngày 15/4/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận: *Đỗ Văn Đ không bị bệnh Tâm thần; Tại thời điểm phạm tội ngày 16/3/2021 và hiện tại Đỗ Văn Đ không bị bệnh Tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi* (bút lục...).

Kết luận giám Đ số 1141/KL-KTHS ngày 04/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- Phôi các “Giấy chứng M nhân dân” số 023250041, 012890769, 205877423, 145810165, 025521508 (ký hiệu từ A1 đến A5) gửi giám Đ là thật.

Hình dấu tròn và hình dấu chữ ký trên các “Giấy chứng M nhân dân” số 023250041, 012890769, 205877423, 145810165, 025521508 (ký hiệu từ A1 đến A5) gửi giám Đ là hình dấu đóng trực tiếp.

- “Giấy chứng M nhân dân” số 012890769 mang tên Nguyễn Xuân M; “Giấy chứng M nhân dân” số 145810165 mang tên Nguyễn Tuấn Anh và “Giấy chứng M nhân dân” số 025521508 mang tên Châu Hiệp An gửi giám Đ bị thay ảnh.

- Không kết luận các “Giấy chứng M nhân dân” số 023250041, 205877423 gửi giám Đ là thật hay giả do không có mẫu so sánh (bút lục 1576).

Kết luận giám Đ số 1319/KL-KTHS ngày 02/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám Đ (ký hiệu A1, A2- hồ sơ đăng ký mở thẻ ngân Hng) không pH của Nguyễn Xuân M (bút lục 1570).

Cơ quan điều tra tiến Hnh thu giữ lịch sử giao dịch các tài khoản do Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L quản lý, sử dụng và các tài khoản liên quan đến việc chiếm đoạt tiền của chị Phạm Thị H, kết quả lịch sử giao dịch thể hiện được dòng tiền phù hợp N trên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L khai nhận Hnh vi phạm tội N trên. Nguyễn M L khai mua tài khoản Vietcombank Nguyễn Xuân M từ đối tượng không quen biết qua mạng xã hội facebook với giá 6.000.000 đồng, được đối tượng gửi cho 01 thẻ ngân Hng, 01 giấy CMND, 01 sim số điện thoại và mua 03 Giấy chứng M thư nhân dân khác với giá 300.000 đồng/01 giấy; ngoài ra, L khai trước đó đã nhiều lần thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản của người khác với thủ đoạn tương tự N của N.

Đối với Đỗ Văn Q, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Xuân M, Dương Thị Đ không mở và sử dụng các tài khoản ngân Hng, không quen biết các bị cáo, không liên quan đến vụ việc nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Tấn Tùng, L Tiến Mạnh, H Thái Bình Dương là chủ tài khoản ngân Hng phát sinh giao dịch với Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L Nng không có mặt tại địa phương, chưa lấy được lời khai nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác M làm rõ xử lý sau.

Đối với Hnh vi đánh bạc của Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L ngoài lời khai của các bị cáo thì không thu giữ được tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác M xử lý sau;

Đối với Nguyễn M L có Hnh vi chiếm đoạt tài sản những ngày trước đó xảy ra tại huyện D, tỉnh Q nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh B có văn bản số 3727 ngày 10/8/2022 chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Q xử lý theo quy Đ.

Đối với Nguyễn M L có Hnh vi mua tài khoản Ngân Hng Vietcombank Nguyễn Xuân M và mua các Giấy chứng M thư nhân dân nên Công an tỉnh B đã ra Q Đ xử phạt vi phạm Hnh chính.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị H yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 990.000.000 đồng. Gia đình bị cáo N đã bồi thường cho chị H số tiền 280.000.000 đồng; anh Đỗ Văn V (anh ruột bị cáo Đ) đã giao nộp 50.000.000 đồng; chị Nguyễn Hiền N (vợ bị cáo L) đã giao nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội của mình N đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-P2 ngày 14/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Công N về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng, viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản” theo quy Đ tại khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự và Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng, viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản” theo quy Đ tại khoản 3 Điều 290 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ và Nguyễn M L khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội của mình N đã nêu trên.

Bị cáo N trình bày: Do không có tiền tiêu nên ngày 16/3/2022 bị cáo đã dùng thủ đoạn đăng nhập nhiều lần vào tài khoản ngân Hng của chị H gây ra lỗi rồi giả danh nhân viên ngân Hng yêu cầu chị H cung cấp mật khẩu, mã OTP để khắc phục lỗi. Sau khi nhận được mật khẩu, mã OTP bị cáo đăng nhập vào tài khoản ngân Hng của bị hại, thực hiện chuyển tiền vào tài khoản do bị cáo quản lý và chiếm đoạt, theo đó bị cáo đã đăng nhập vào tài khoản ngân Hng MBbank của chị Phạm Thị H để chiếm đoạt số tiền 990.000.000 đồng. Để chiếm đoạt được số tiền trên bị cáo đã mượn Đỗ Văn Đ số tài khoản để thực hiện Hnh vi phạm tội. Bị cáo đã tác động để gia đình để bồi thường cho chị H số tiền 280.000.000 đồng. Bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ Trương Phú, ông bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất; bà ngoại bị cáo là bà Nguyễn Thị Ngai được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đỗ Văn Đ trình bày: Bị cáo N có mượn tài khoản của bị cáo để thực hiện việc chuyển tiền, khi N hỏi mượn tài khoản thì bị cáo biết N mượn tài khoản để thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tiền của người khác vì trước đó bị cáo cũng đã thực hiện Hnh vi N vậy. Khi N hỏi mượn tài khoản Nng do tài khoản của bị cáo bị lỗi nên bị cáo đã nhờ L chuyển tài khoản của L cho bị cáo để bị cáo chuyển cho N. Sau khi N chuyển 490.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Nguyễn Xuân M của L thì bị cáo có kiểm tra và thực hiện các Hnh vi mua thẻ trên mạng sau đó bán lại lấy tiền và chuyển lại tiền cho N. Bị cáo được hưởng lợi số tiền 11.000.000 đồng. Đến nay, bị cáo đã nhận thức được Hnh vi và ăn năn hối cải về Hnh vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H toàn bộ số tiền đã nộp.

Bị cáo Nguyễn M L trình bày: Bị cáo quen biết từ trước với Đỗ Văn Đ. Bị cáo và Đ hay chơi đánh bạc trên mạng Internet. Ngày 16/3/2021 Đ có nhắn tin qua facebook cho bị cáo, hỏi mượn số tài khoản ngân hàng ảo của bị cáo (tài khoản Nguyễn Xuân M). Bị cáo nghĩ Đ mượn tài khoản của bị cáo để chiếm đoạt tiền của người khác, Nng bị cáo không rõ chiếm đoạt của ai, bao nhiêu tiền. Bị cáo đã nhắn cho Đ mượn tài khoản Nguyễn Xuân M. Sau đó, tài khoản của bị cáo nhận được số tiền 490.000.000đồng, bị cáo cung cấp cho Đ thông tin mật khẩu tài khoản Nguyễn Xuân M để Đ đăng nhập trên điện thoại của Đ và Đ thực hiện việc mua thẻ game, sau đó chuyển cho N. Tổng số tiền bị cáo được hưởng lợi từ Hành vi vi phạm pháp luật là 40.000.000đồng. Bị cáo đã nhận thức được Hành vi phạm tội của mình nên mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Số tiền 100.000.000đồng gia đình bị cáo đã nộp bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ cho chị H.

Bị hại là chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày N sau: Chị đã bị các bị cáo dùng thủ đoạn để chiếm đoạt của chị số tiền 990.000.000đồng. Gia đình bị cáo N đã bồi thường cho chị số tiền 280.000.000đồng. Đối với số tiền 150.000.000đồng gia đình bị cáo L, bị cáo Đ đã nộp chị yêu cầu tạm giữ toàn bộ số tiền này để khắc phục hậu quả cho chị. Số tiền 560.000.000đồng chưa được khắc phục thì yêu cầu bị cáo N pH bồi thường toàn bộ cho chị. Chị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Hiền N có mặt tại phiên tòa và trình bày N sau: Chị là vợ của bị cáo L, chị đã thay mặt gia đình nộp vào cơ quan điều tra số tiền 100.000.000đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo. Đây là tiền của cá nhân chị, chị không yêu cầu bị cáo pH trả lại. Số tiền chị đã nộp chị đồng ý để bồi thường toàn bộ cho bị hại, không yêu cầu pH trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Công N trình bày: Ông là bố của bị cáo N, N đã tác động tới ông để bồi thường cho bị hại, ông đã bồi thường cho bị hại số tiền 280.000.000đồng, số tiền này là tiền của gia đình ông, không yêu cầu bị cáo pH trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn V trình bày: Anh là anh trai của bị cáo Đ, anh đã nộp vào Cơ quan công an số tiền 50.000.000đồng để bồi thường cho bị hại thay Đ, số tiền này là tiền của cá nhân anh, không yêu cầu Đ pH trả lại, trường hợp số tiền anh nộp vượt quá số tiền Đ pH bồi thường anh không đề nghị nhận lại mà đồng ý bồi thường hết để khắc phục hậu quả cho bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Công N.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công N **10 (Mười) N đến 11 (Mười một) N** tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hình vi chiếm đoạt tài sản”. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/4/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn Đ từ 07 (Bảy) đến 08 (Tám) N tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hình vi chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của bản án số 43/2021/HSST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q, buộc bị cáo pH chấp Hình hình phạt chung của cả hai bản án Nng được trừ thời gian tạm giam (từ ngày 22/10/2019 đến ngày 21/01/2020) tại Bản án hình sự số 43/2021/HS-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q và thời hạn tạm giam 01 tháng 19 ngày (từ ngày 31/3/2020 đến ngày 19/5/2020) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tHnh phố Đà Nẵng, tổng là 04 tháng 21 ngày vào thời gian chấp Hình hình phạt.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn M L.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn M L từ 04 N đến 04 N 06 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hình vi chiếm đoạt tài sản”. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/4/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Đ pH nộp số tiền 50.000.000đồng; Bị cáo L pH bồi thường 100.000.000đồng cho bị hại. Xác nhận bị cáo Đ và bị cáo L đã bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Công N pH bồi thường số tiền còn lại cho chị H là 560.000.000đồng.

Ngoài ra, còn đề nghị giải Q về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H trình bày tranh luận: Nhất trí với tội danh, điều khoản mà Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Bị hại xác nhận gia đình bị cáo N đã bồi thường cho bị hại số tiền 280.000.000đồng; Đối với số tiền 150.000.000đồng gia đình bị cáo L, bị cáo Đ đã nộp đề nghị trả lại cho chị H. Về số tiền còn lại nhất trí N đề nghị của Viện kiểm sát buộc bị cáo N pH tiếp tục bồi thường cho chị H số tiền 560.000.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo N: Bị cáo đã nhận thức được Hình vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Đ: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo L: Bị cáo đã ăn năn hối cải về Hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Định N sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các Hành vi, QĐ tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy Định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy Định của pháp luật, không có Hành vi, QĐ tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân M, anh Đỗ Văn Q, anh Phạm Đức H, chị Phạm Thị Thủy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nng vẫn vắng mặt, xét thấy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải Q vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Xét Hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Do không có tiền chi tiêu, Nguyễn Công N nảy sinh ý Định chiếm đoạt tiền từ tài khoản ngân hàng của người khác bằng cách đăng nhập nhiều lần vào tài khoản ngân hàng của họ gây ra lỗi rồi giả danh nhân viên ngân hàng yêu cầu cung cấp mật khẩu, mã OTP để khắc phục lỗi. Sau khi nhận được mật khẩu, mã OTP, N đăng nhập vào tài khoản ngân hàng của bị hại, thực hiện chuyển tiền vào tài khoản do N quản lý và chiếm đoạt.

Bằng thủ đoạn trên, ngày 16/3/2021, Nguyễn Công N đã thực hiện Hành vi đăng nhập vào tài khoản ngân hàng MBbank của chị Phạm Thị H để chiếm đoạt số tiền 990.000.000 đồng. Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L biết N mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền chiếm đoạt của người khác Nng đồng ý cho mượn và giúp sức cho N chiếm đoạt 490.000.000 đồng của chị H. Số tiền chiếm đoạt được, N, Đ và L sử dụng mua thẻ Vcoin bán lại cho các đại lý lấy tiền; nạp vào tài khoản game trên

web “888b.com” rồi chuyển tiền vào tài khoản do mình quản lý và sử dụng chỉ tiêu cá nhân.

N vậy, Hành vi của bị cáo Nguyễn Công N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 290 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất của vụ án thì thấy: Trong vụ án có ba bị cáo cùng thực hiện Hành vi sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử để chiếm đoạt tiền của bị hại, Nng không có sự bàn bạc thống nhất từ trước nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Công N thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, Hành vi của bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L thuộc trường hợp rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài khoản và hệ thống ngân hàng để thực hiện Hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý an ninh mạng và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, pH có hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với Hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Nguyễn Công N là đối tượng chủ mưu, cầm đầu. Do không có việc làm ổn định, không có tiền chi tiêu cá nhân, lợi dụng thời gian đang chờ chấp hành án nên N đã giả danh nhân viên Ngân hàng thông báo cho bị hại tài khoản bị lỗi, đề nghị cung cấp mã OTP để chiếm đoạt tiền trong tài khoản của bị hại nên bị cáo N có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Đỗ Văn Đ mặc dù biết rõ hình thức hoạt động của N mượn tài khoản nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại Nng Đ vẫn thực hiện giúp sức nhằm hưởng lợi, khi tiền vào tài khoản Đ thực hiện các Hành vi tiếp theo để chiếm đoạt tiền, nên Đ có vai trò thứ hai sau N. Bị cáo L khi Đ hỏi mượn tài khoản mặc dù biết Đ dùng tài khoản để thực hiện Hành vi vi phạm pháp luật Nng vẫn gửi ngay tài khoản cho Đ và được hưởng lợi, bị cáo có vai trò sau cùng trong vụ án. Do đó, pH có hình phạt tù phù hợp với Hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[6]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thấy:

- Về nhân thân:

+ Bị cáo N có nhân thân xấu: Ngày 05/3/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Bị cáo Đ có tiền án: + N 2020, bị Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, tHnh phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 36/2020/HS-ST ngày 14/7/2020; N 2021, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q xử phạt 42 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản” (đã tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của bản án 36/2020/HS-ST ngày 14/7/2020).

+ Bị cáo L có nhân thân tốt: chưa có tiền án, tiền sự.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo tHnh khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo L đã đến cơ quan công an đầu thú về Hnh vi phạm tội của mình. Bị cáo N có ông ngoại là Liệt sỹ Trương Phú được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, bà ngoại bị cáo là bà Nguyễn Thị Ngại được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo Đ có ông ngoại là ông Văn Công Sò được tặng huân chương kháng chiến hạng ba, được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình theo quy Đ tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy Đ tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B xác Đ bị cáo Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là chưa chính xác. Vì Hnh vi của bị cáo bị đưa ra xét xử trong vụ án này xảy ra trước thời điểm có bản án xét xử bị cáo vào tháng 07/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q nên không thể xác Đ bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy Đ tại điểm a khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự. Hnh vi của bị cáo Đ bị đưa ra xét xử N 2020 là tội ít nghiêm trọng nên lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện Hnh vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện Hnh vi về tội phạm rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự.

Bị cáo N, bị cáo L không pH chịu tình tiết tăng nặng nào quy Đ tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý an ninh mạng và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử Q Đ áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, mới đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo tHnh công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

Bị cáo N, bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Xét các bị cáo tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường cho bị hại. Nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều

54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N, bị cáo L mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Bị cáo Đ có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Nng bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 khoản Điều 290 Bộ luật hình sự quy Đ có thể phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét các bị cáo N, Đ, L không có nghề nghiệp và không có thu nhập, Đ đang chấp Hnh hình phạt tù của bản án khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9]. Đối với bị cáo Đỗ Văn Đ đang pH chấp Hnh Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2021/HSST ngày 13/7/2021 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Q xử phạt 42 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản” (đã tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của bản án số 36/2020/HS-ST ngày 14/7/2020) nên cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo pH chấp Hnh hình phạt chung của cả hai bản án. Thời gian chấp Hnh hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo để thi Hnh án (ngày 14/4/2021). Bị cáo được trừ thời gian tạm giam (từ ngày 22/10/2019 đến ngày 21/01/2020) tại Bản án hình sự số 43/2021/HS-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q và thời hạn tạm giam 01 tháng 19 ngày (từ ngày 31/3/2020 đến ngày 19/5/2020) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tHnh phố Đà Nẵng (Tổng thời hạn tạm giam là 04 tháng 21 ngày) vào thời gian chấp Hnh hình phạt.

Do bị cáo Nguyễn Công N, Nguyễn M L đang bị tạm giam nên cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi Hnh án.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

Do các bị cáo chiếm đoạt tiền của chị H, bị hại yêu cầu các bị cáo pH bồi thường nên cần buộc các bị cáo pH bồi thường cho bị hại.

Bị cáo N đã bồi thường cho chị H số tiền 280.000.000đồng, bị cáo Đ đã bồi thường được số tiền 50.000.000đồng, bị cáo L đã bồi thường số tiền 100.000.000đồng.

Bị cáo L được hưởng lợi 40.000.000đồng, nên bị cáo pH bồi thường cho bị hại số tiền là 40.000.000đồng. Tuy nhiên, gia đình bị cáo và bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị H toàn bộ số tiền đã nộp là 100.000.000đồng. Cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo L về việc bồi thường và trả cho chị H số tiền này.

Bị cáo Đ được hưởng lợi 11.000.000đồng, bị cáo pH bồi thường cho bị hại số tiền là 11.000.000đồng Nng bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị H toàn bộ số tiền 50.000.000đồng, nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đ

và trả cho chị H số tiền này. Xác nhận bị cáo Đ, bị cáo L đã bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự cho chị H.

Do bị cáo Đ, bị cáo L đã bồi thường xong cho bị hại nên cần buộc bị cáo Nguyễn Công N pH tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho chị H là 560.000.000đồng.

[11]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 (Một) phong bì của Công an thị trấn Nam Phước có chữ ký giáp lai của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Ngọc Mai Oanh, bà Nguyễn Hiền N và ông Nguyễn Văn Quý, bên trong có:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, Imei1 356729115042881, Imei2 357729114947603, lắp sim số 0963668552 thu của Nguyễn M L là tài sản của chị Nguyễn Hiền N, cần trả lại cho chị N.

+ 01 (một) di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10Plus, Imei1 357285105818294, Imei 2 357286105818292, lắp sim số 0899499792 thu của Nguyễn M L là tài sản của chị Nguyễn Hiền N, cần trả lại cho chị N.

- 01 phong bì của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Q có chữ ký giáp lai của ông Nguyễn Thanh H, ông Dương Văn Thịnh và ông Nguyễn M L, bên trong có 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, Imei 235383105046235, lắp sim số 0866154253, là tài sản bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ nH nước.

- 01 hộp giấy có dải niêm phong dán vào các mép hộp, dải niêm phong có chữ ký của ông Nguyễn Thanh H, ông Phạm Văn Huy và ông Nguyễn M L, bên trong có:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei 1 352415905410985, số Imei 2 352415907410983, bên trong lắp sim số 1: 0583047288, sim số 2: 02838829339, là tài sản của bị cáo L không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo, Nng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi Hnh án.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL ACE, màu đen, số Imei 1 359053911288047, số Imei 2: 351815094707193, bên trong lắp sim số 0932443330, là tài sản của bị cáo L không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Nng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi Hnh án.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng, bị vỡ màn hình, không lên nguồn, là tài sản của chị Nguyễn Hiền N cần trả lại cho chị N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, số Imei 1: 351814094707196; số Imei 2: 351815094707193, bên trong lắp sim số 0932443330, là tài sản của chị Nguyễn Hiền N cần trả lại cho chị N.

+ 05 (N) thẻ sim đã bóc phần khay sim. Trên mặt các thẻ sim có số: 0355573653, 0583046916, 0583047291, 0899888250, 0583047398, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 09 (Chín) thẻ sim còn nguyên khay sim. Trên mặt các thẻ sim có số: 0928965527, 0928966165, 0583046988, 0583046917, 0583047063, 0583033035, 0583046797, 0583046793, 05830466784, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân Hng Vietcombank, số thẻ: 09704368607285375016 mang tên NGUYEN HIEN NHU, cần trả lại chị Nguyễn Hiền N

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân Hng Đông Á, số thẻ: 970406174523692 mang tên NGUYEN HIEN NHU, cần trả lại cho chị Nguyễn Hiền N.

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân Hng CIMB, số thẻ: 4039500044204754 mang tên NGUYEN M LUU, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân Hng Đông Á, số thẻ: 9704060763143298 mang tên NGUYEN M AU, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 145810165 mang tên Nguyễn Tuấn Anh, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 023250041 mang tên L Kiến Tài, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 025521508 mang tên Châu Hiệp An, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 012890769 mang tên Nguyễn Xuân M, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 205877423 mang tên Nguyễn M L, cần trả lại bị cáo.

+ 01 thiết bị màu đen, hình bầu dục, mặt trên có chữ Smats Bro, mặt dưới có chữ ALCATWL ONETOUCH, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một phong bì của phòng PC02 Công an tỉnh B có đóng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cùng chữ ký giáp lai của ông Nguyễn Thanh H, ông Tạ Quang Hoàng và bà Nguyễn Hiền N bên trong có số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng);

Đây là số tiền chị N nộp để khắc phục hậu quả cho L, cần trả cho chị Phạm Thị H.

- 01 (một) phong bì của Phòng PC02 Công an tỉnh B có đóng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cùng chữ ký giáp lai của ông Nguyễn Thanh H, ông Tạ Quang Hoàng và ông Đỗ Văn V bên trong có số tiền 50.000.000đồng (N mươi triệu đồng).

Đây là số tiền anh V nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Đ, cần trả cho chị Phạm Thị H.

[12]. Các vấn đề khác:

Đối với Đỗ Văn Q, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Xuân M, Dương Thị Đ không mở và sử dụng các tài khoản ngân Hng, không quen biết các bị cáo, không liên quan đến vụ việc nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Tấn Tùng, L Tiến Mạnh, H Thái Bình Dương là chủ tài khoản ngân Hng phát sinh giao dịch với Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L

Ngh không có mặt tại địa phương, chưa lấy được lời khai nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác M làm rõ xử lý sau.

Đối với Hnh vi đánh bạc của Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L ngoài lời khai của các bị cáo thì không thu giữ được tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác M xử lý sau;

Đối với Nguyễn M L có Hnh vi chiếm đoạt tài sản những ngày trước đó xảy ra tại huyện D, tỉnh Q nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh B có văn bản số 3727 ngày 10/8/2022 chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Q xử lý theo quy Đ.

Đối với Nguyễn M L có Hnh vi mua tài khoản Ngân Hng Vietcombank Nguyễn Xuân M và mua các Giấy chứng M thư nhân dân nên Công an tỉnh B đã ra Q Đ xử phạt vi phạm Hnh chính là có căn cứ.

[13]. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị Q 326 Nghị Q 326/2016/UBTVH ngày 16/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Nguyễn Công N pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui Đ của pháp luật.

[14]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy Đ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

Q Đ

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Công N.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công N 10 (Mười) N tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản”. Thời gian tù tính từ ngày tạm giam 28/4/2022.

- Căn cứ **điểm a** khoản 3 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn Đ 07 (bảy) N tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt 42 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 43/2021/HSST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q, buộc bị cáo pH chấp Hnh hình phạt chung của cả hai bản án là 10 N 06 tháng tù. Thời gian chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi Hnh án (ngày 14/4/2021). Bị cáo được trừ thời gian tạm giam (từ ngày 22/10/2019 đến ngày 21/01/2020) tại Bản án hình sự số 43/2021/HS-ST ngày 13/7/2021

của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q và thời hạn tạm giam 01 tháng 19 ngày (từ ngày 31/3/2020 đến ngày 19/5/2020) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tHnh phố Đà Nẵng

(tổng là 04 tháng 21 ngày) vào thời gian chấp Hình hình phạt. Bị cáo còn pH chấp Hình 10 N 01 tháng 09 ngày.

- **Căn cứ điểm a** khoản 3 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn M L.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn M L 04 (Bốn) 06 (Sáu) tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện Hình vi chiếm đoạt tài sản”. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/4/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đ về việc bồi thường cho chị H số tiền 50.000.000đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo L về việc bồi thường cho chị H số tiền 100.000.000đồng.

Xác nhận bị cáo Đ, bị cáo L đã thi Hình xong phần trách nhiệm dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Công N pH tiếp tục bồi thường cho chị H số tiền 560.000.000đồng (N trăm sáu mươi triệu đồng).

3. Về lãi suất chậm thi Hình án: Kể từ ngày bản án, Q Đ có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án cho đến khi thi Hình xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên pH thi Hình án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi Hình theo mức lãi suất quy Đ tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu sung công quỹ nH nước:

- 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, Imei 235383105046235, lắp sim số 0866154253 của Nguyễn M L;

* Trả lại chị Phạm Thị H:

- 01 (một phong bì của phòng PC02 Công an tỉnh B có đóng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cùng chữ ký giáp lai của ông Nguyễn Thanh H, ông Tạ Quang Hoàng và bà Nguyễn Hiền N bên trong có số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng);

- 01 (một) phong bì của Phòng PC02 Công an tỉnh B có đóng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cùng chữ ký giáp lai của ông Nguyễn Thanh H, ông Tạ Quang Hoàng và ông Đỗ Văn V bên trong có số tiền 50.000.000đồng (N mươi triệu đồng).

* Trả lại chị Nguyễn Hiền N:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, Imei1 356729115042881, Imei2 357729114947603, lắp sim số 0963668552;

+ 01 (một) di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10Plus, Imei1 357285105818294, Imei 2 357286105818292, lắp sim số 0899499792;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng, bị vỡ màn hình, không lên nguồn;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, số Imei 1: 351814094707196; số Imei 2: 351815094707193, bên trong lắp sim số 0932443330;

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân Hng Vietcombank, số thẻ: 09704368607285375016 mang tên NGUYEN HIEN NHU;

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân Hng Đông Á, số thẻ: 970406174523692 mang tên NGUYEN HIEN NHU;

* Trả lại bị cáo Nguyễn M L:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei 1 352415905410985, số Imei 2 352415907410983, bên trong lắp sim số 1: 0583047288, sim số 2: 02838829339, Nng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi Hnh án.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL ACE, màu đen, số Imei 1 359053911288047, số Imei 2: 351815094707193, bên trong lắp sim số 0932443330, Nng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi Hnh án.

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 205877423 mang tên Nguyễn M L.

* Tịch thu tiêu hủy:

+ 05 (N) thẻ sim đã bóc phần khay sim. Trên mặt các thẻ sim có số: 0355573653, 0583046916, 0583047291, 0899888250, 0583047398;

+ 09 (Chín) thẻ sim còn nguyên khay sim. Trên mặt các thẻ sim có số: 0928965527, 0928966165, 0583046988, 0583046917, 0583047063, 0583033035, 0583046797, 0583046793, 05830466784;

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân Hng CIMB, số thẻ: 4039500044204754 mang tên NGUYEN M LUU;

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân Hng Đông Á, số thẻ: 9704060763143298 mang tên NGUYEN M AU;

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 145810165 mang tên Nguyễn Tuấn Anh;

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 023250041 mang tên L Kiến Tài;

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 025521508 mang tên Châu Hiệp An;

+ 01 Giấy chứng M nhân dân số 012890769 mang tên Nguyễn Xuân M;

+ 01 thiết bị màu đen, hình bầu dục, mặt trên có chữ Smats Bro, mặt dưới có chữ ALCATWL ONETOUCH.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Cục thi Hnh án dân sự tỉnh B theo Q Đ chuyển vật chứng số 27/QĐ- VKS-P2 ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B B và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/11/2022).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Công N, Đỗ Văn Đ, Nguyễn M L mỗi bị cáo pH chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Công N pH chịu 26.400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh B;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh B;
- Trại tạm giam công an tỉnh B;
- Bị cáo;
- L HS, THS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị H

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- TAND Tối cao.
- VKSND tỉnh B.
- Công an tỉnh B.
- Chi cục THADS tỉnh B.
- Người tham gia tố tụng.
- L HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị H

